

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP VIỆT NAM TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

Đỗ Thị Diệu

ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Lâm nghiệp Việt Nam là một ngành kinh tế - kỹ thuật có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, là một bộ phận không thể tách rời trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn. Bên cạnh đó, lâm nghiệp có vai trò sống còn trong việc bảo vệ môi trường cũng như chống biến đổi khí hậu. Trong những năm gần đây, ngành Lâm nghiệp đang có những bước tăng trưởng đáng kể và tương đối toàn diện. Với mức tăng trưởng này, ngành Lâm nghiệp đang góp phần đáng kể vào tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, vào tăng trưởng kinh tế và góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của một bộ phận dân cư miền núi cũng như những người làm trong ngành lâm nghiệp. Vì vậy, lâm nghiệp Việt Nam là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ khóa: *Kinh tế, Lâm nghiệp, môi trường, vai trò, xã hội*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rừng có vai trò rất quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ sự phát triển bền vững môi trường của mỗi quốc gia. Đặc biệt, Việt Nam là một quốc gia có nguồn tài nguyên rừng, đất rừng khá đa dạng và phong phú, phân bố rộng khắp gần như trên tất cả các tỉnh thành trong toàn quốc. Theo số liệu năm 2012, diện tích đất lâm nghiệp lên tới 15,4 triệu ha (chiếm 58,5% diện tích đất nông nghiệp; chiếm 46,4% tổng diện tích toàn quốc), chưa kể hơn 2,7 triệu đất đồi núi chưa sử dụng và núi đá không có rừng cây. Đây cũng là nơi sinh sống của hơn 25 triệu người, trong đó có khoảng 12 triệu đồng bào các dân tộc thiểu số có cuộc sống khó khăn và phụ thuộc vào rừng. Vì vậy, ngành lâm nghiệp có vai trò đáng kể trong tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, cũng như đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và góp phần cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng núi cùng với những người làm nghề rừng.

Bên cạnh đó, lâm nghiệp còn có vai trò vô cùng lớn, đó là vai trò phòng hộ và bảo vệ môi trường sinh thái. Bởi vì rừng có chức năng phòng hộ như hạn chế xói mòn, lũ lụt, hạn hán, điều hòa khí hậu, giảm thiểu tiếng ồn. Vai trò

này ngày càng quan trọng, do Việt Nam là một nước có bờ biển dài và địa hình dốc, nên Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động xấu nhất của quá trình biến đổi khí hậu. Vì thế, đánh giá đúng vai trò, vị trí của ngành lâm nghiệp và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng là trọng trách của ngành lâm nghiệp không chỉ đối với sự phát triển của nền kinh tế đất nước mà còn là trọng trách đối với công tác chống biến đổi khí hậu của quốc tế. Với mục đích này, bài báo làm rõ về vai trò và những đóng góp của ngành lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong giai đoạn 2006-2010.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu

Trên cơ sở nắm vững và vận dụng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, quan điểm macxit, tác giả vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành kết hợp với phương pháp liên ngành nhằm đưa ra kết quả nghiên cứu mang tính khoa học và có độ tin cậy. Tài liệu tác giả thu thập chủ yếu dựa trên tài liệu thứ cấp là các báo cáo nghiên cứu, báo cáo tư vấn, báo cáo đánh giá về thực trạng quản lý và sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, một số đơn vị trong ngành lâm nghiệp. Các tài liệu thống kê về các chỉ số phát triển

trong ngành lâm nghiệp; tài liệu thống kê về kết quả diễn biến rừng cùng các tài liệu khác.

2.2. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

Sau khi thu thập thông tin, tác giả vận dụng phương pháp phân tích tài liệu (cụ thể dùng để phân tích như phương pháp phân tích định lượng kết hợp với phương pháp định tính; Phương pháp thống kê so sánh)

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Vai trò của ngành Lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

Ở Việt Nam, lâm nghiệp là một ngành kinh tế, kỹ thuật đặc thù nên có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp và nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng.

Vì vậy, khái niệm về lâm nghiệp đã từng bước được điều chỉnh, bổ sung nhằm xác định rõ phạm vi, chức năng của ngành lâm nghiệp. Một khái niệm mà hiện nay đang được sử dụng phổ biến đó là: *“Lâm nghiệp là ngành sản xuất vật chất độc lập của nền kinh tế quốc dân có chức năng xây dựng rừng, quản lý bảo vệ rừng, khai thác lợi dụng rừng, chế biến lâm sản và phát huy chức năng phòng hộ rừng”* [tr2;5]

Như vậy, theo lý thuyết, ngành lâm nghiệp được xác định là toàn bộ những hoạt động gắn liền với sản xuất hàng hoá và dịch vụ từ rừng như các hoạt động gây trồng, khai thác, vận chuyển, sản xuất, chế biến nguyên liệu lâm sản và cung cấp các dịch vụ môi trường có liên quan đến rừng.

Cũng theo lý thuyết này, ngành lâm nghiệp sẽ có những vai trò cụ thể sau:

Thứ nhất: Lâm nghiệp có vai trò cung cấp lâm sản, đặc sản phục vụ các nhu cầu của xã hội. Rừng cung cấp lâm sản, đặc sản phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng xã hội, trước hết là gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Gỗ là sản phẩm chính của rừng, luôn được dùng làm đồ gia dụng trong gia đình như tủ, giường, bàn ghế, sập... Trong sản xuất, gỗ còn được dùng làm nguyên liệu giấy, diêm, chế tạo công cụ sản xuất, xây dựng nhà xưởng.

Rừng cũng cung cấp động vật, thực vật phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, cung cấp nguyên liệu để chế biến thực phẩm. Ngoài ra rừng cũng cung cấp dược liệu quý phục vụ cho nhu cầu chữa bệnh và nâng cao sức khỏe cho con người. Rừng chính là tài nguyên quý của đất nước.

Thứ hai: Lâm nghiệp có vai trò làm chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sống, cảnh quan văn hóa xã hội.

Với chức năng phòng hộ của rừng như: phòng hộ đầu nguồn (giữ đất, giữ nước, điều hòa dòng chảy, chống xói mòn rửa trôi, thoái hóa đất, giảm thiểu lũ lụt, hạn hán, giữ nguồn thủy năng lớn cho các nhà máy thủy điện), phòng hộ ven biển như chắn sóng, chắn gió, cát bay..., phòng hộ khu công nghiệp và khu đô thị, làm sạch không khí, điều hòa khí hậu. Rừng cũng giảm thiểu tiếng ồn, tạo môi trường sinh thái tốt cho con người.

Bên cạnh đó, rừng cũng có ý nghĩa trong việc bảo vệ khu di tích lịch sử, nâng cao giá trị cảnh quan và khu du lịch.

Thứ ba, Lâm nghiệp có vai trò tạo nguồn thu nhập và giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, đặc biệt là đồng bào vùng trung du miền núi.

Việt Nam ước tính có khoảng 25 triệu người đang sống ở vùng rừng núi, vùng sâu, vùng xa, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Tài nguyên rừng là nguồn thu nhập chính họ. Vì vậy, ngành lâm nghiệp có vai trò quan trọng góp phần cải thiện đời sống và xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng miền núi.

Ngoài ra, lâm nghiệp còn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước.

3.2. Thực tiễn đóng góp của ngành Lâm nghiệp vào nền kinh tế quốc dân

3.2.1. Đóng góp về mặt kinh tế của ngành Lâm nghiệp

Theo báo cáo, GDP ngành lâm nghiệp đóng góp vào nền kinh tế quốc dân không cao, dao động trong khoảng 1% tổng GDP quốc gia.

Trên lý thuyết, tổng sản phẩm trong nước của ngành Lâm nghiệp là chỉ tiêu thống kê tổng hợp phản ánh giá trị hàng hóa và dịch vụ mới tạo ra của ngành Lâm nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận khách quan, GDP của ngành lâm nghiệp đóng góp vào nền kinh tế quốc dân không chỉ có 1%. Bởi vì, tỉ lệ này mới phản ánh số liệu về sự đóng góp của ngành lâm nghiệp ở phân đoạn trồng và khai thác lâm sản thô mà chưa tính đến chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ môi trường. Trong khi đó, giá trị kinh tế từ việc kinh doanh xuất nhập khẩu lâm sản và từ dịch vụ môi trường rừng không nhỏ. Song nhiều năm nay, đóng góp này chưa được tính vào trong tổng sản phẩm của ngành.

Về tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa lâm nghiệp, trong 5 năm (từ năm 2005 đến 2009), đã thu được 11.203 triệu USD. Trong đó, sản phẩm gỗ là 8.226 triệu USD, bằng 74% tổng kim ngạch thời kỳ này, gỗ nguyên liệu đạt 2.057 triệu USD bằng 18% và sản phẩm khác đạt 920 triệu USD bằng 8% tổng kim ngạch xuất khẩu. [tr161;2]

Ba năm trở lại đây, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng nhanh và đóng góp đáng kể trong nền kinh tế. Năm 2010, so với năm 2009, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đã tăng tới 31,2% về đạt con số 3,4 tỷ USD

Năm 2011, tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả năm đạt 3,9 tỷ USD, tăng so với cùng kỳ là 13,4%

Năm 2012, giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2012 đạt 4,68 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước

Đến năm 2013, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tiếp tục tăng, ước đạt 5,1 tỷ USD, tăng 18,6% so với kế hoạch, 9,4% so với năm 2012. Sản phẩm lâm sản ngoài gỗ (mây, tre, cói, thảm ...) đạt 224 triệu USD, tuy nhiên chỉ đạt 74,6 kế hoạch, giảm 11,1% so với năm 2012. [tr3;1]

Với sự phát triển này, đã đưa Việt Nam lên vị trí một quốc gia có tên trên bản đồ xuất khẩu hàng hóa lâm nghiệp. Đồng thời, chứng tỏ, đóng góp của chế biến trong ngành lâm nghiệp không hề nhỏ nhưng chưa được tính trong GDP của ngành. Cách tính như vậy là chưa đầy đủ.

Cũng như vậy, giá trị kinh tế của công nghiệp chế biến lâm sản giai đoạn 2005-2009 cũng chưa được tính vào trong tổng sản phẩm của ngành. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp chế biến lâm sản 4 năm (2005-2009) theo giá thực tế là 348.969 tỷ VND và giá trị này luôn đứng trong top những ngành công nghiệp có mức tăng cao nhất. [tr159; 2]

Về giá trị kinh tế từ dịch vụ môi trường rừng.

Chính sách mới của chính phủ về chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES) là một trong những hướng đi quan trọng đối với ngành Lâm nghiệp. Đây là chính sách đầu tiên về lâm nghiệp coi việc bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn các hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên của rừng là các dịch vụ.

Tính đến tháng 2 năm 2010, có 7/7 đơn vị là các cơ sở sản xuất thủy điện đã thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2009 với số tiền 234,421 tỷ đồng. Trong giá trị của dịch vụ môi trường, ở nhiều tỉnh có rừng, giá trị kinh tế thu được từ du lịch sinh thái đang ngày càng tăng, đóng góp một phần nhất định vào nguồn thu từ rừng cho tỉnh.

Đến 2013, cả nước có 38 tỉnh thành lập Ban chỉ đạo triển khai chính sách chi trả DVMTR. Đến ngày 24/11/2013, cả nước đã thu tiền chi trả dịch vụ DVMTR được 999 tỷ đồng, trong đó: Quỹ Trung ương thu 835 tỷ đồng, các Quỹ tỉnh thu được gần 164 tỷ đồng. [tr5: 1]

Như vậy, có thể thấy, GDP của ngành lâm nghiệp có thể sẽ còn vượt xa tỉ lệ 1% như cách tính hiện tại. Trên thực tế, giá trị đầy đủ của các đóng góp ngành lâm nghiệp mang lại có thể lên tới 4-5% GDP quốc gia. Hơn nữa, đóng góp kinh tế từ các dịch vụ môi trường rừng như

bảo vệ vùng đầu nguồn, hấp thụ các bon và du lịch sinh thái đang tăng lên một cách đáng kể. Vì vậy, cần có cách tính chính xác hơn cho GDP ngành lâm nghiệp trong tổng GDP cả nước cũng như giá trị sản xuất của ngành.

3.2.2 Đóng góp về mặt xã hội của ngành lâm nghiệp

Đóng góp của ngành lâm nghiệp về mặt xã hội chính là ngành đã góp một phần quan trọng vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn miền núi.

Hiện nay, ước tính có khoảng hơn 25 triệu người đang sống ở vùng rừng núi vùng sâu, vùng xa, trong đó có 12 triệu đồng bào các dân tộc thiểu số, có trình độ dân trí thấp, phương thức canh tác lạc hậu, kinh tế chậm phát triển và đời sống còn nhiều khó khăn. Đồng thời, theo điều tra năm 2011 có 150,1 nghìn lao động trong ngành. Tài nguyên rừng là nguồn thu nhập chính của họ. Vì vậy, ngành lâm nghiệp còn có vai trò quan trọng góp phần cải thiện đời sống và xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng núi và những người làm nghề rừng. Cũng chính lâm nghiệp góp phần đẩy mạnh sự phát triển của nông thôn, miền núi.

Theo điều tra tỷ lệ người nghèo toàn quốc cho thấy tỷ lệ người nghèo giảm một cách đáng kể từ 19,5% (2004) xuống 14,5% (2008). Tỷ lệ người nghèo ở các vùng có nhiều rừng đã giảm đi rõ rệt. Vùng trung du và miền núi phía Bắc từ 38,3% xuống 33,1%, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ từ 25,9% xuống 18,4% và Tây Nguyên từ 33,1% xuống 24,1%. Ngành lâm nghiệp là đối tác quan trọng góp phần trong nỗ lực này vì thông qua giao rừng và đất lâm nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập. Cụ thể là đã giao 3,3 triệu ha rừng cho các hộ gia đình, khoán bảo vệ 2 triệu ha rừng, tạo việc làm cho 4,7 triệu người, chiếm 4,3% dân số cả nước thông qua thông qua Dự án 661 (giai đoạn 2006-2010)

Về thu nhập, số người thu nhập từ rừng chiếm dưới 25% trên tổng thu nhập 2,9 triệu người, từ 25-50% là 1,2 triệu người, trên 50% là 0,57 triệu người. [tr86; 2]

3.2.3. Đóng góp của ngành lâm nghiệp về môi trường sinh thái

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nằm trải dài ven biển nên Việt Nam luôn phải đối mặt với nhiều thiên tai, bão gió. Hơn nữa với địa hình dốc và chia cắt nên rừng càng có vai trò quan trọng trong phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái.

Theo đánh giá, tỷ lệ đất có rừng che phủ của một quốc gia là chỉ tiêu an ninh môi trường quan trọng. Ở Việt Nam hiện nay ước tính diện tích đất có rừng có khả năng đảm bảo an toàn môi trường chiếm 30-33% tổng diện tích tự nhiên [tr39; 2]

Với diện tích rừng như ở Việt Nam này, khả năng điều hòa không khí, hấp thụ carbon dioxide (CO₂) là thuận lợi lớn. Theo tính toán rừng mưa nhiệt đới ở Việt Nam có mức hấp thụ CO₂ khoảng 150 tấn/ha/năm, phát ra 110 tấn oxy/ha/năm, tạo ra 40 tấn/ha/năm chất hữu cơ [tr39; 2]

Bên cạnh đó, Việt Nam có các dải rừng ngập mặn tự nhiên và trồng rừng tốt sẽ có khả năng phòng hộ ven biển, sẽ ngăn chặn đê điều bị vỡ, ngăn chặn sụt lún đất... Đồng thời, theo dự báo, trái đất ngày càng nóng lên, nên vai trò của rừng ngày càng quan trọng trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Vì vậy, việc khôi phục rừng ngập mặn ven biển là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa lớn trong ngành lâm nghiệp.

3.3. Một số ý kiến đề xuất

- Vai trò của lâm nghiệp trong nền kinh tế quốc dân về mặt lý thuyết cơ bản đã được thống nhất, hoàn chỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế cách đánh giá GDP của ngành như hiện nay còn nhiều hạn chế. Như đã phân tích ở trên, theo cách tính toán hiện tại GDP ngành Lâm nghiệp mới chỉ là ngành sản xuất gỗ và lâm sản thô (thậm chí cũng chưa tính đúng lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG) sản xuất của các thành phần kinh tế nhất là khu vực hộ gia

đình và tư nhân), mà chưa tính đến giá trị của khâu chế biến kinh doanh và dịch vụ môi trường rừng. Điều này, sẽ làm ảnh hưởng đến cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò của ngành Lâm nghiệp cũng như ảnh hưởng đến chính sách đầu tư, phát triển lâm nghiệp.

Vì vậy, vẫn có thể tiếp tục thống kê GDP ngành lâm nghiệp thuần túy như hiện nay, để thống kê không trùng lặp giữa các ngành. Tuy nhiên, cần thay đổi cách tính và tính toán GDP tổng hợp cho từng ngành nông, lâm, thủy sản cũng bao gồm đầy đủ các hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu và dịch vụ để thấy hết vai trò của ngành lâm nghiệp..

- Với vai trò của lâm nghiệp đối với xã hội, đặc biệt trong công tác xóa đói giảm nghèo. Những năm gần đây, mục tiêu xóa đói giảm nghèo đang đạt nhiều kết quả tốt, khi tỉ lệ người nghèo đã giảm nhiều trong giai đoạn 2006-2010 ở các tỉnh có nhiều rừng và giảm nhiều nhất ở các tỉnh miền núi phía Bắc (7,7%), Tây Nguyên (7%). Một số vùng khác có tỉ lệ giảm nghèo chậm hơn.

Vì vậy, để thực hiện tốt mục tiêu xóa đói giảm nghèo mà lâm nghiệp là một trong tác nhân quan trọng thì đòi hỏi sự phối hợp của các Ban, ngành, địa phương và nhân dân, đặc biệt là cần có chính sách tích cực đối với phát triển lâm nghiệp.

- Vai trò của rừng trong bảo vệ môi trường là rõ ràng. Vì vậy, trong thời gian tới cần nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng để bảo đảm vai trò phòng hộ môi trường, nhằm giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu và đáp ứng như cầu gỗ và LSNG cho nền kinh tế quốc dân.

IV. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu có thể khẳng định lại: Lâm nghiệp là một ngành sản xuất vật chất đặc biệt, có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sản phẩm từ rừng không chỉ đóng góp giá

trị to lớn về kinh tế cho nền kinh tế như cung cấp nguồn thực phẩm, đặc sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, hay cung cấp các dược liệu quý phục vụ cho sức khỏe. Các sản phẩm từ rừng, đặc biệt gỗ có giá trị kinh tế lớn trong xuất nhập khẩu. Đồng thời, giá trị kinh tế từ rừng mang lại hiện nay đang ngày càng tăng, chính là từ dịch vụ môi trường rừng như du lịch sinh thái. Các hoạt động từ rừng cũng tạo ra việc làm, giúp cải thiện đời sống của nhân dân vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, góp phần xóa đói giảm nghèo vùng nông thôn, miền núi. Ngoài ra, lâm nghiệp có vai trò quan trọng trong việc phòng hộ, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và đảm bảo sự an ninh quốc gia. Tuy nhiên, cần thay đổi cách tính toán về những đóng góp của ngành đối với nền kinh tế quốc gia để từ đó xác định chính sách cụ thể, tích cực để hỗ trợ phát triển lâm nghiệp, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2013), “Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch ngành năm 2013, nhiệm vụ trọng tâm năm 2014 lĩnh vực Lâm nghiệp”, Tổng Cục Lâm nghiệp, *Báo cáo Tổng kết ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2013*
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2010), *Báo cáo tiến độ 2006-2010, “Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam”*.
3. Chính phủ (2007), *Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006–2020*, Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2007/Qđ-Ttg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ
4. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (Đồng chủ biên) (2012), *Địa lý Nông – Lâm – Thủy sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội
5. Nguyễn Nghĩa Biên và các cộng sự (2002), *Kinh tế lâm nghiệp*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội,
6. Tổng cục Thống kê (2012), *Niên giám thống kê năm 2011*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội
7. Tổng Cục Thống kê (2012), *Kết quả tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản năm 2011*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội
8. *Thông cáo báo chí Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013*, Tổng Cục thống kê

SOME APPRECIATION OF THE ROLES OF VIETNAM'S FORESTRY IN THE NATIONAL ECONOMY

Do Thi Dieu

SUMMARY

Vietnam's forestry is a crucial technical and economic sector in the national economy, and is an inseparable component in agricultural and rural sphere. Moreover, it is playing increasing vital roles in the career of environmental protection and improvement against climate change. Economically, it has achieved a relatively high and comprehensive growth in recent years. With the annually increase, forestry itself has made remarkable contributions not only in agricultural and rural development, but also in poverty alleviation, and improvement of living standard of ethnic compatriots, and forestry labors in mountainous rural areas. It is considered as a key factor ensuring the country's sustainable development. This paper provides the audiences the comprehensive roles and contributions of Vietnam's forestry sector under the historical lens, which never or insufficiently regarded in other technical, economic, or social researches.

Keywords: *Economic, environmental, forestry, social, roles*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn

Ngày nhận bài: 02/3/2014

Ngày phản biện: 03/3/2014

Ngày quyết định đăng: 07/3/2014